TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **01**/2026/DS-ST Ngày: 09 – 01 – 2026. "*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Gắng và ông Nguyễn Văn Hiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "*Đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L: Bà Bùi Thị Bích H, sinh năm 1993 (Theo giấy ủy quyền lập ngày 15/9/2025)

Địa chỉ: khu phố Đ, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Mạnh Thế T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H trình bày*:

Ngày 16/3/2017, bà L cho ông Mạnh Thế Thiên M 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi mượn ông T trực tiếp viết và ký tên trong giấy kẻ ô.

Đến ngày 17/3/2017, bà Liên tiếp T1 cho ông Mạnh Thế Thiên M 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nhưng người nhận tiền thay ông T là ông Nguyễn Bá D, lần này ông D ký xác nhận và ông T không ký xác nhận vào giấy biên nhận.

Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T phải trả cho bà L 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và yêu cầu ông Thiên tính lãi chậm trả từ ngày 17/3/2017 đến ngày 05/9/2025: 180.000.000đ x 102 tháng x 1% = 183.600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bà L thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu ông T phải trả cho bà L 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 13/10/2025 đến khi Tòa án xét xử vụ án đối với khoản tiền gốc 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

**Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mạnh Thế T trình bày:*

Từ năm 2012 đến năm 2016, ông Thiên mượn bà L 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*)/ tháng, thực hiện trả lãi từ năm 2012 đến 2016 nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Ngày 16/3/2017, ông T và bà Nguyễn Thị Kim L chốt số tiền nợ là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và ông T trực tiếp ghi, ký vào giấy biên nhận (bà L đã nộp cho Tòa án), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

Đối với giấy biên nhận lập ngày 17/3/2017 ghi Nguyễn Bá D nhận thay Mạnh Thế T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), không phải do ông Thiên G và ký tên, nội dung trong giấy biên nhận nêu trên không liên quan đến ông T, khoản tiền nêu trên là khoản tiền ông D tự mượn của bà L và ông D không giao khoản tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) cho ông T, ông T xác nhận không nợ bà L khoản tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Sau khi chốt nợ 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) ông T trả cho bà L nhiều lần bằng tiền mặt, nhưng không có tài liệu chứng minh.

Nay ông T thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà L 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) nhưng ông T không có khả năng trả một lần nên xin trả hàng tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), đối với khoản tiền lãi: xin không trả lãi.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông T phải trả cho bà L tiền gốc **150.000.000đ** (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 13/10/2025 đến ngày 09/01/2026. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền **30.000.000đ** (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại thông báo thụ lý vụ án số 74/TB –TLVA ngày 13 tháng 10 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp đòi lại tài sản*". Xét thấy, tại giấy biên nhận ngày 16/3/2017 không ghi thời hạn trả nợ và quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất khi mượn không thỏa thuận thời gian trả nợ. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 469 Bộ luật dân sự, xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và xác định lại quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Bà L khởi kiện ông T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", ông T cư trú tại thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án dân sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 14 - tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại đơn khởi kiện, bà L đề nghị đưa ông Nguyễn Bá D tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông T thống nhất khoản tiền ông T nợ bà L là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) không liên quan đến ông D, riêng khoản tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) ông D nhận từ bà L, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX xác định ông Nguyễn Bá D không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Về nội dung vụ án:

Bà L khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà L **150.000.000đ** (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 13/10/2025 đến khi Tòa án xét xử vụ án (09/01/2026).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, bà L cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy biên nhận đề ngày 16/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận nợ bà L 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và đồng ý trả cho bà L số tiền trên nhưng T xin trả dần 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/ tháng. Xét thấy, việc ông T xin trả cho bà L 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/ tháng không được bà L chấp nhận. Mặc dù theo giấy biên nhận, bà L và ông T không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng bà L đã yêu cầu ông T trả nợ nhiều lần trước khi bà L khởi kiện tại Tòa án và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Về khoản tiền lãi: Bà L yêu cầu ông T trả cho bà L khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 13/10/2025) đến khi Tòa án xét xử vụ án (ngày 09/01/2026). Xét thấy: ông T có nghĩa vụ chậm trả tiền thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Qúa trình giải quyết vụ án, ông T xin không trả lãi chậm trả nhưng bà L không đồng ý.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, buộc ông T phải trả cho bà L 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 13/10/2025 đến ngày 09/01/2026: 02 tháng 26 ngày x 10%/năm x 150.000.000đ = 3.583.333đ (*Ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

[4]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể: 153.583.333đ x 5% = 7.679.166đ (*Bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

[5]. Đối với khoản tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) bà L và ông D lập giấy biên nhận với nhau. Xét bà L thay đổi nội dung khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp đương sự phát sinh yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự*;* khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc ông Mạnh Thế T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L tổng số tiền **153.583.333đ** (*Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng),* trong đó: **150.000.000đ** *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* tiền gốc và **3.583.333đ** (*Ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) tiền lãi phát tính từ ngày 13/10/2025 đến ngày 09/01/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Mạnh Thế T phải chịu **7.679.166đ** (*Bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho bà Nguyễn Thị Kim L **9.090.000đ** (*Chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002220 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk (2);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Hà